TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 8 năm 2022
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành và bà Nguyễn Ngọc Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên toà số 22/2022/TB-XX ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Khánh L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 06, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trần H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 27 đường N, tổ 02, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Hoàng Khánh L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trần H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái ngày 03/7/2017 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến tháng 01 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, không có tiếng nói chung dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được vợ chồng tự hoà giải và hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Chị L và anh H đã ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trần H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Trần H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2018, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Nguyễn Trần H vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Khánh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, Bị đơn anh Nguyễn Trần H có hộ khẩu thường trú tại tổ 02, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Hoàng Khánh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Trần H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hoàng Khánh L kết hôn với anh Nguyễn Trần H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị L, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc, đã sống ly thân từ tháng 01

năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh Nguyễn Trần H vắng mặt không lý do, không có ý kiến với yêu cầu khởi kiện của chị L, thể hiện anh Nguyễn Trần H không có thiện chí hòa giải.

Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2018, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Do cháu P còn nhỏ, hiện đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nên giao cháu P cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L được chấp nhận, buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/01tháng, kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[2.3] Về chia tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị L và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Khánh L được ly hôn anh Nguyễn Trần H.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Hoàng Khánh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháuNguyễn Thanh P, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2018. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 9 năm

2022 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh H chậm thi hành, thì hàng tháng anh H còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Hoàng Khánh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0000319, ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (chị L đã nộp đủ tiền án phí). Anh Nguyễn Trần H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con (anh H chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Khánh L và anh Nguyễn Trần H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP.Yên Bái;
- Chi cục THADS TP.Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND phường Y, thành phố Y (GCNKH số 45, ngày 03/7/2017);
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Hoàng Hải